

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2020/HS-ST
Ngày 03 - 3 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh.

Ông Nguyễn Tiến Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trịnh Quang T, sinh ngày 02/11/1983 tại xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 3, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H (đã chết) và bà Lương Thị P; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/6/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt là 08 năm tù; bị tạm giữ từ ngày 20/12/2019 đến ngày 23/12/2019 chuyển tạm giam; “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Quang T: Bà Trần Thị Nga - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; “có

mặt”.

- Bị hại:

1. Anh Mai Quốc Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

2. Chị Trần Thị Kim O, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 23/10/2019, Trịnh Quang T đi bộ từ nhà đến cửa hàng điện thoại di động Duy Đ của vợ chồng anh Mai Quốc Đ chị Trần Thị Kim O ở xóm 4, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định để mua điện thoại. Đến nơi, T gặp chủ cửa hàng là anh Mai Quốc Đ và hỏi mua một chiếc điện thoại khoảng 2.000.000đ; anh Đ lấy trong tủ quầy bán hàng 02 chiếc điện thoại Iphone 6, một cái màu đen, một cái màu trắng đưa cho T xem rồi đi ra khỏi tủ quầy. T thấy tủ trưng bày điện thoại không khóa, bên trong có nhiều điện thoại nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng lúc anh Đ không để ý, T với tay lấy trong tủ quầy 01 chiếc điện thoại Iphone XS màu đen, bản 64G có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0917338303 bỏ vào túi quần; sau đó trả lại 02 chiếc điện thoại anh Đ đã đưa cho T xem trước đó và nói với anh Đ là đi rút tiền. Sau khi T rời khỏi cửa hàng, anh Đ phát hiện mất điện thoại nên nghi ngờ đã tìm hỏi T “nếu lấy điện thoại Iphone XS thì cho xin lại”; T nói “bán rồi”. Ngay sau đó, anh Đ đã trình báo sự việc với Cơ quan điều tra. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T mang chiếc điện thoại đã chiếm đoạt trả lại cho anh Mai Quốc Đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 25/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Trường kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu đen, bản 64G, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa dẻo trong suốt tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

Nhận được tin báo của bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân T đã tiến hành điều tra, xác minh, khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra quyết định truy nã đối với Trịnh Quang T. Đến ngày 20/12/2019, Trịnh Quang

T đã ra đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như trên.

Trong quá trình điều tra, Công an huyện Xuân Trường đã trả lại chiếc điện thoại Iphone XS màu đen, bản 64G, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa dẻo trong suốt cho anh Mai Quốc Đ, anh Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 13/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của Trịnh Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Quang T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Quang T từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo T nhất trí với bản luận tội của Đ diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Trịnh Quang T khai nhận đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo công nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội của mình. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối lỗi mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Hành vi của bị cáo như đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/10/2019, Trịnh Quang T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại Iphone XS màu đen, bản 64G, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa dẻo trong suốt cùng 01 thẻ sim, có giá trị 17.000.000đ của anh Mai Quốc Đ ở xóm 4, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T đã truy tố là có căn cứ.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, không chịu khó làm ăn, đã một lần bị đưa ra xét xử tại Tòa án nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền chi tiêu cho bản thân nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình; ngay sau khi trộm cắp đã tự nguyện trả lại tài sản cho chủ sở hữu để khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị hại, anh Mai Quốc Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung. Do bị cáo Trịnh Quang T chưa có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Mai Quốc Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Xử phạt bị cáo Trịnh Quang T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2019.

2 Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trịnh Quang T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung